

THÔNG BÁO
Tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2020

I. Thông tin tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định tại điều 5 - Chương II - Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020 theo từng ngành học.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyên đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyên đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7720101	Y khoa	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1979	2019
2	7720110	Y học dự phòng	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007	2019
3	7720115	Y học cổ truyền	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	2019
4	7720201	Dược học	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2019
5	7720301	Điều dưỡng	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
6	7720501	Răng - Hàm - Mặt	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	2019
7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu
Tổng chỉ tiêu đào tạo 2020 là 1190 trong đó có 50 chỉ tiêu Y khoa đào tạo cho lưu học sinh Lào, chỉ tiêu còn lại như sau:					
1	Y khoa (B)	7720101B	Toán, Hóa, Sinh	B00	350
2	Y khoa (A)	7720101A	Toán, Lý, Hóa	A00	150
3	Y học dự phòng	7720110	Toán, Hóa, Sinh	B00	60
4	Y học cổ truyền	7720115	Toán, Hóa, Sinh	B00	70
5	Răng hàm mặt	7720501	Toán, Hóa, Sinh	B00	80
6	Dược học (B)	7720201B	Toán, Hóa, Sinh	B00	60
7	Dược học (A)	7720201A	Toán, Lý, Hóa	A00	60
8	Dược học (D)	7720201D	Toán, Hóa, Anh	D07	30
9	Điều dưỡng	7720301	Toán, Hóa, Sinh	B00	200
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Toán, Hóa, Sinh	B00	80
Tổng cộng					1140

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: YPB

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển (xem tại mục 4)

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

+ Đối với từng ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

+ Với mỗi thí sinh nếu ĐKXT vào nhiều ngành trong trường thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Điểm trúng tuyển được tính riêng theo từng ngành (xét điểm từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu).

- Điều kiện phụ trong xét tuyển: đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn:

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Vật lý.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Tiếng Anh.

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo
Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

Theo quy định tại điều 7 - Chương II - Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

a. Chính sách ưu tiên theo đối tượng :

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương II - Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b. Đối tượng tuyển thẳng

- Những thí sinh được qui định tại khoản a, b khoản 2 điều 7 của qui chế tuyển sinh; những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Toán học, Hóa học, Sinh học; những thí sinh đạt giải nhất, nhì kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học và những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành;

- Những thí sinh đạt giải ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS 5.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT 50 trở lên được tuyển thẳng vào ngành Y khoa, Răng hàm mặt;

- Những thí sinh đạt giải ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS 5.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT 50 trở lên hoặc có bài báo quốc tế được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y khoa, Răng hàm mặt;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học;

- Số lượng tuyển thẳng tối đa 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành, nhà trường sẽ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Với các thí sinh được miễn kỳ thi tốt nghiệp THPT: ưu tiên 1: theo thứ tự giải, ưu tiên 2: chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, ưu tiên 3: điểm tổng kết 3 năm THPT;

+ Với các thí sinh phải thi tốt nghiệp THPT: với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1:



tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Tiếng Anh;

c. *Đối tượng ưu tiên xét tuyển (áp dụng cho các thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng)*

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học đã tốt nghiệp THPT được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

+ Đạt giải nhất: cộng 4,0 điểm

+ Đạt giải nhì: cộng 3,0 điểm

+ Đạt giải ba: cộng 2,0 điểm

d. *Ưu tiên theo khu vực:* thực hiện theo khoản 4 điều 7 - Chương II - Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

e. *Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực:* Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

9. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Theo quy định tại khoản 2 - điều 5 - Chương II - Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm của trường như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Y dược	970.000đ/tháng	1.070.000đ/tháng	1.180.000đ/tháng	1.300.000đ/tháng	1.430.000đ/tháng

11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Tháng 10/2020 (nếu có)*

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Tháng 11/2020 (nếu có)*

II. Giải đáp thắc mắc tuyển sinh

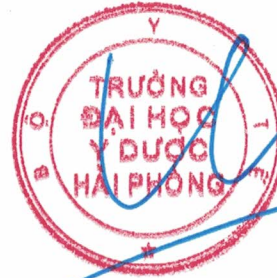
Mọi thắc mắc về tuyển sinh xin liên hệ: Phòng Đào tạo Đại học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (*Liên hệ trong giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ thứ 7 và chủ nhật*)

Địa chỉ: 72A Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền - Hải Phòng

ĐT: 0225.3731.168

Website: hpmu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

